

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐẾN NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ ĐỨC

Tóm tắt

Hiện nay, nước ta đang thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế theo xu hướng toàn cầu hóa. Gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù. Xu hướng phát triển và những thay đổi to lớn của xã hội đã tác động rất lớn đến gia đình. Sự giao lưu và hội nhập quốc tế, sự phát triển của xã hội đã đem đến cho gia đình Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển về kinh tế và văn hóa. Những giá trị nhân văn mới, trong đó có quyền bình đẳng giới và quyền trẻ em đã tác động mạnh mẽ đến đời sống gia đình Việt Nam. Xét trên nhiều khía cạnh, quá trình thực hiện bình đẳng giới đã và đang tạo nên nhiều sự biến đổi của gia đình, trong đó có thể thấy rõ nhất là những biến đổi về hình thái, cơ cấu, quy mô của gia đình, về vai trò của người vợ và người chồng, về quan hệ vợ chồng, về văn hóa ứng xử, đạo đức trong gia đình...

Từ khóa: Giới, bình đẳng, bình đẳng giới, biến đổi, gia đình

Abstract

Nowaday, our country is carrying out the process of industrialization, modernization and international integration under globalization trend. Family is a specific social institution. Development trends and major changes of the society have a huge impact on families. The international exchange and integration, the development of the society has given Vietnamese families many opportunities to develop economy and culture. New human values, including gender equality and children's rights, have strongly impacted on the lives of Vietnamese families. In many aspects, the process of implementing gender equality has been creating many changes on families, especially the changes on form, structure, scale of family, role of wife and husband, husband and wife relationship, behavior culture, morality in the family...

Keywords: Gender, equality, gender equality, change, family

Để có một cái nhìn khách quan và khoa học về vấn đề bình đẳng giới cũng như tác động của quá trình thực hiện bình đẳng giới đến những biến đổi của gia đình hiện nay, cần hiểu chính xác một số những khái niệm sau:

Giới là một thuật ngữ để chỉ vai trò xã hội, hành vi ứng xử xã hội và những kỳ vọng liên quan đến nam và nữ. Đó cũng là mối quan hệ giữa địa vị của nữ và nam trong bối cảnh xã

hội cụ thể. Khi nói tới giới là nói đến các điều kiện, các yếu tố xã hội quy định vị trí, hành vi xã hội của giới nam và giới nữ. Nó khác với giới tính - chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học, chủ yếu liên quan đến chức năng tái sản xuất giống nòi và do các yếu tố tự nhiên quy định.

Bình đẳng là thuật ngữ được sử dụng theo nhiều cách khác nhau, tại nhiều thời điểm

khác nhau để chỉ sự ngang bằng về cơ hội, về thành quả, về luật pháp, về kết quả tạo ra, về mức độ hưởng thụ... *Bình đẳng giới* chính là nói đến quyền được ngang bằng nhau trong các nội dung đã nêu trên ở giới nam và giới nữ.

Tuy nhiên, trong xã hội, sự khác biệt về giới tính vốn là cái có để phân biệt và gây nên bất bình đẳng nam - nữ. Sự mất bình đẳng dẫn đến những vấn đề về quyền và những đặc quyền không tương xứng giữa nam và nữ tạo nên bất bình đẳng giới. Bất bình đẳng giới diễn ra khá phổ biến trong những quy định pháp lý, luật tục và thực tiễn đời sống các gia đình, các cộng đồng.

Gia đình được coi là một tập hợp những người gắn bó với nhau theo quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng. Ở đó các thành viên trong gia đình gắn bó với nhau về trách nhiệm và quyền lợi. Gia đình là tế bào của xã hội, phản ánh đầy đủ các vấn đề và sự biến động của xã hội, do đó, đó cũng là nơi thể hiện sâu sắc những vấn đề về bình đẳng và bất bình đẳng giới.

Xã hội truyền thống có những quan điểm rất cơ bản chi phối các nhận thức lý luận về gia đình như : Gia đình là một đơn vị thống nhất về lợi ích, gia đình là yếu tố tự nhiên và phổ biến. Vào những năm 30- 40 của thế kỷ XX, quan niệm gia đình là một đơn vị hợp nhất về lợi ích, một khối thống nhất, một thực thể bền vững không thay đổi và phổ biến được xem như một sự tất nhiên. Đây chính là cơ sở để hình thành lý thuyết gia đình hạt nhân và gia đình quy chuẩn.

Lý thuyết gia đình quy chuẩn coi gia đình là đơn vị thực hiện các chức năng quan trọng cho cả cá nhân và xã hội, là nhân tố ổn định xã hội. Sự phát triển của gia đình phải phù hợp với sự phát triển của xã hội. Trong gia đình, người chồng, người cha là chủ, là trụ cột kinh tế của gia đình. Người phụ nữ giữ vai trò tình cảm, sinh đẻ, nuôi con, chăm sóc các thành viên của gia đình... Đó là thiên chức của người phụ nữ. Ở thời hoàng kim của lý thuyết gia đình này, phụ nữ đi xin việc rất khó khăn vì mọi người quan niệm rằng vị trí của phụ nữ là ở nhà, có chồng là chỗ dựa kinh tế nên xã hội

không cần có các biện pháp hỗ trợ cho phụ nữ. Điều này khiến cho phụ nữ chỉ có một con đường là lấy chồng, sinh đẻ, nuôi con và sống phụ thuộc vào chồng dẫn đến việc bất bình đẳng giới diễn ra khá sâu sắc.

Vấn đề bình đẳng giới trong gia đình chỉ thực sự có được những bước tiến đáng kể khi xuất hiện Thuyết Nữ quyền và sự cống hiến của các nhà Nữ quyền trong nghiên cứu gia đình. Các nhà Nữ quyền đã phê phán triệt để lý thuyết gia đình trên vì cho rằng nó không bao quát được tính đa dạng của gia đình vì đã gạt ra ngoài những hình thức gia đình hay cơ cấu gia đình không nằm trong lý thuyết gia đình nêu trên. Chẳng hạn như gia đình đơn thân (chỉ có mẹ hoặc bố), gia đình không hôn thú (nam nữ sống chung mà không kết hôn), gia đình của những người đồng tính...

Quan điểm của các nhà Nữ quyền chính là phương pháp tiếp cận giới và bình đẳng giới. Nhờ có quan điểm giới mà những nhận thức lý luận về gia đình đã thay đổi. Quan điểm giới chỉ ra rằng nam và nữ không chỉ khác nhau về đặc điểm cấu tạo tự nhiên của cơ thể mà còn khác nhau về các đặc điểm xã hội như cách ứng xử, hành vi, vị trí và vai trò xã hội. Những khác biệt này không phải là kết quả của sự khác biệt về sinh học giữa nam và nữ mà do xã hội tạo nên và hoàn toàn có thể thay đổi được. Những khác biệt giữa nam và nữ ở một số phương diện trong xã hội đã tạo ra sự bất bình đẳng giữa hai giới, mà nguyên nhân chủ yếu là do nam giới thường nắm giữ quyền lực nhiều hơn. Các mối quan hệ về giới như vậy cần phải được nghiên cứu và phải thay đổi để đạt đến sự bình đẳng giới. Nghiên cứu khoa học về gia đình cần phải tập trung tìm hiểu và phát hiện những vấn đề giới của gia đình như: phụ nữ và nam giới có vị trí, vai trò, địa vị như thế nào, có nguồn lực và quyền lực gì, có mức sống ra sao, họ làm những công việc gì, làm như thế nào, trong điều kiện nào, được đánh giá và hưởng thụ ra sao...

Xu hướng phát triển và những thay đổi to lớn của xã hội tác động đến gia đình rất lớn. Đòi hỏi tiến tới bình đẳng giới trong gia đình là những yêu cầu tất nhiên trong một xã hội phát

triển tiến tới công bằng, văn minh. Ngược lại, chính sự phát triển của các mối quan hệ bình đẳng giới cũng đã và đang làm biến đổi sâu sắc gia đình, nhất là ở một xã hội đang chuyển mình như Việt Nam

Thực hiện bình đẳng giới và những tác động đến gia đình Việt Nam.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế, giao lưu văn hoá quốc tế đã mang đến cho gia đình Việt Nam nhiều giá trị nhân văn mới mà tiêu biểu là bình đẳng giới và quyền trẻ em. Gia đình Việt Nam hiện đang đứng trước nhiều thuận lợi cũng như khó khăn thách thức cần vượt qua để có thể vừa tiếp thu được những giá trị nhân văn mới của nền văn minh công nghiệp lại vừa phát huy được những di sản, giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống. Cho đến nay gia đình Việt Nam vẫn là thiết chế xã hội tương đối bền vững. Hôn nhân một vợ một chồng vẫn là hình thức chung sống phổ biến. Vị trí, nền tảng của gia đình được khẳng định, chức năng kinh tế của gia đình được phát huy. Gia đình Việt Nam là một thiết chế đặc thù mang nhiều dấu ấn tình cảm cho nên việc thực hiện các chức năng của gia đình vừa thể hiện trách nhiệm đối với xã hội vừa thoả mãn tình cảm của các thành viên của gia đình. Kinh tế hộ gia đình cũng trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đồng thời nhiều chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng đang thông qua gia đình, lấy gia đình là đơn vị thực hiện.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến trong đời sống xã hội vẫn còn sâu nặng, nên cho dù gia đình Việt Nam đã từng bước bứt ra khỏi những ràng buộc của hệ tư tưởng và hủ tục phong kiến nhưng những hủ tục vẫn ảnh hưởng khá nặng nề. Thêm vào đó, kinh tế chậm phát triển, những lạc hậu trong cách tổ chức, quản lý kinh tế và các thiết chế xã hội... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện bình đẳng giới trong gia đình. Tuy vậy, những nỗ lực thực hiện bình đẳng giới đã có tác động mạnh mẽ, làm cho gia đình Việt Nam có rất nhiều biến đổi. Sự bình đẳng trên mọi khía cạnh nghề nghiệp, khả năng thu nhập, tiếp xúc thông tin, ảnh hưởng của các nền văn

hoá thế giới... đã tạo nên cơn sóng làm biến đổi sâu sắc gia đình trên mọi phương diện, bao gồm cả những biến đổi về hình thái, cơ cấu, quy mô của gia đình, sự phân công lao động trong gia đình đến những biến đổi về vai trò của người vợ và người chồng cũng như vị thế của người phụ nữ và quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình v.v...

Trước hết là những biến đổi về cơ cấu và quy mô gia đình. Điều dễ nhận thấy nhất là những thay đổi về mô hình và cách tổ chức gia đình. Cấu trúc gia đình cũng đang có sự biến động, đa dạng và phức tạp hơn. Ngoài hai kiểu gia đình phổ biến là gia đình hạt nhân và gia đình truyền thống, đã xuất hiện nhiều loại gia đình khác. Có những gia đình đơn thân, chỉ có bố hoặc mẹ sống với con sau ly hôn, ly thân hay goá bụa. Có những gia đình do điều kiện làm việc, một người phải đi xa làm kinh tế (chồng hoặc vợ đi xuất khẩu lao động, hay ở nông thôn ra thành phố kiếm việc làm), một người ở nhà quán xuyến công việc gia đình. Ngày càng có nhiều gia đình tồn tại theo kiểu “không hôn thú”, gia đình “gá nghĩa”... Đây là các kiểu gia đình thiếu tổ chức chặt chẽ và không ổn định, không được đảm bảo về mặt pháp lý, ẩn chứa rất nhiều nguy cơ đổ vỡ và bất hạnh. Xã hội cũng xuất hiện các loại gia đình khá đặc biệt như những gia đình “mẫu hệ mới”, đó là những gia đình của những người phụ nữ hoặc không có cơ hội được làm vợ, hoặc không muốn kết hôn nhưng lại muốn thực hiện quyền làm mẹ và nuôi con một mình. Những cặp đôi đồng tính, mặc dù không được xã hội và pháp luật công nhận họ vẫn sống với nhau như một gia đình. Hiện tượng này mặc dù chưa nhiều nhưng đã có xu hướng phát triển, nhất là ở các thành phố. Những gia đình một thế hệ đang tăng lên ở những đôi vợ chồng trẻ chưa muốn sinh con (sinh muộn) hoặc không muốn sinh con, họ lấy hạnh phúc lứa đôi làm mục đích chính của hôn nhân

Có thể nói, tính đa dạng, phong phú của các loại hình gia đình là đặc điểm của xã hội văn minh công nghiệp hiện đại đang thay thế cho tính đồng nhất về khuôn mẫu gia đình truyền thống trước đây.

Tiếp đó là biến đổi về vai trò của người vợ, người chồng trong gia đình. Tư tưởng trọng nam, khinh nữ xưa đã khiến người ta luôn có ý nghĩ gia đình chỉ có một trụ cột, đó là người đàn ông. Người đàn bà chỉ cần biết chi tiêu trong nhà, chăm lo cuộc sống gia đình còn các vấn đề tính toán làm ăn, sản xuất ra của cải vật chất để nuôi sống gia đình thuộc trách nhiệm của người đàn ông. Đây chính là nguyên nhân đầu tiên gây nên sự bất bình đẳng trong gia đình. Chính sự không bình đẳng về kinh tế đã kéo theo sự bất bình đẳng về chính trị, văn hoá, xã hội. Những người phụ nữ không được nắm quyền kinh tế trong gia đình, ít được học hành, ít có cơ hội tham gia vào các hoạt động xã hội, hầu như không có quyền quyết định các vấn đề của gia đình.

Xã hội ngày càng phát triển, người phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội học hành, làm việc, nhiều người đã chứng tỏ năng lực của mình trên nhiều lĩnh vực khoa học, kinh tế, lãnh đạo... Họ có kinh tế độc lập, có thu nhập, có địa vị xã hội không thua kém chồng, thậm chí nhiều người cao hơn chồng. Trụ cột gia đình về kinh tế qua khảo sát các gia đình ở thành phố, có 32% số gia đình cả vợ và chồng đều "làm chủ", đặc biệt có 7,84% gia đình do người vợ làm "trụ cột". Nhiều gia đình hiện nay cũng chấp nhận mô hình quản lý kinh tế theo kiểu "chồng giỗ, vợ hom", có rất nhiều cách quản lý kinh tế, quản lý chi tiêu trong gia đình khác nhau.

Có được việc làm và tạo ra thu nhập là điều quan trọng nhưng việc sử dụng hợp lý các khoản tiền chi tiêu trong gia đình cũng không hề đơn giản. Có những gia đình lại "sáng tạo" ra cách quản lý ngân sách gia đình theo kiểu cùng đóng góp. Ngoài việc góp vào khoản để chi tiêu trong gia đình, mỗi người lại có một ngân sách riêng của mình hoặc có thể họ phân công nhau trong các khoản chi tiêu chung của gia đình theo phương châm sống phẳng, bình đẳng, còn lại là thế giới riêng của mỗi người... Điều này xét trong bối cảnh gia đình thì có vẻ như chưa được hợp lý lắm, có vẻ như nó làm cho sự cố kết gia đình có phần lỏng lẻo, bởi một lẽ đơn giản rằng, thu nhập của cả vợ và chồng là cơ sở kinh tế của gia đình, do vậy chi

tiêu hợp lý là yếu tố quan trọng tạo lập sự ổn định của gia đình, trong trường hợp tài chính của vợ, chồng quá độc lập, họ sẽ khó có sự bàn bạc và thống nhất, nếu vấn đề chi tiêu trong gia đình không được giải quyết một cách hợp lý, sẽ gây những bất ổn và ảnh hưởng không tốt đến quan hệ vợ chồng.

Thay đổi quan niệm về sự coi trọng quan hệ tình dục là một trong những biến đổi đặc biệt của văn hóa gia đình nhờ vào quá trình thực hiện bình đẳng giới. Trước đây, khi thu nhập thấp, mức sống thấp, gia đình chưa có khoản dự trữ, khiến mọi tính toán, lo lắng dường như đổ dồn vào vấn đề kinh tế. Nuôi sống gia đình, sắm sửa những vật dụng phục vụ cho cuộc sống gia đình, sinh thêm con cái... luôn là những nỗi lo thường trực. Sự vất vả lo toan dường như lấy hết thời gian sức lực tâm trí của vợ chồng, vì thế tầm quan trọng của đời sống tình dục giữa hai vợ chồng có thể bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Ngày nay khi mức sống càng cao, vấn đề kinh tế không còn là nỗi lo lắng thường trực, thậm chí nhiều bạn trẻ ngày nay khi bước vào cuộc sống gia đình đã có mức thu nhập rất cao, tiện nghi vật chất rất đầy đủ thì việc đánh giá sự hoà hợp tình dục giữa hai vợ chồng đang được đặt lên như một trong những mối quan tâm hàng đầu của nhiều gia đình. "Hoà hợp tình dục" ngày nay được xếp vào một trong ba yếu tố hàng đầu góp phần làm nên hạnh phúc gia đình (chỉ đứng sau sự hoà hợp tinh thần, tình cảm và điều kiện kinh tế, vật chất)" (4). Đây cũng là một trong những biểu hiện của gia đình hiện đại, đề cao nhu cầu cá nhân, chú trọng hạnh phúc riêng.

Tỷ lệ ly hôn ngày càng gia tăng là một trong những biến đổi vừa mang tính tích cực vừa mang tính tiêu cực. Có rất nhiều lý do khiến gia đình ngày nay có thể bị tan vỡ, ngoài những lý do bắt đầu từ những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, lối sống thực dụng đề cao vật chất, lối sống vị kỷ, cá nhân, ảnh hưởng của những tệ nạn xã hội, sức ép của cuộc sống công nghiệp căng thẳng... còn có những lý do bắt đầu từ chính những biến đổi mang tính tích cực của xã hội hiện đại. Chính bình đẳng giới đã đem lại sự chủ động, độc lập về kinh tế,

cũng như sự đòi hỏi đáp ứng nhu cầu cá nhân ngày càng cao khiến con người không dễ chấp nhận hoặc cam chịu sự áp bức trong gia đình dẫn đến tỷ lệ ly hôn ở các gia đình ngày càng tăng. Ngày nay nhiều người quan niệm hôn nhân trước hết là nhằm đem lại hạnh phúc cho đôi vợ chồng vì vậy khi mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được thì vợ chồng sẵn sàng chia tay nhau. Tỷ lệ ly hôn đang tăng dần theo từng năm: 5% năm 1988, 8% năm 1989 và 12% năm 2003 trên tổng số các vụ kết hôn (5). Đặc biệt số vụ ly hôn do phụ nữ đứng đơn đang gia tăng, thể hiện sự độc lập về kinh tế và ý thức về quyền bình đẳng của phụ nữ đang ngày càng tăng. Tỷ lệ ly hôn ở những gia đình mà vợ chồng là viên chức, trí thức, nhân viên hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ, thương mại... cao hơn những gia đình công nhân, nông dân, lực lượng vũ trang. Như vậy, phải chăng điều kiện kinh tế phát triển, dân trí càng cao, điều kiện tiếp xúc xã hội càng nhiều, thì sự đòi hỏi thoả mãn nhu cầu cá nhân càng lớn và điều đó đang là một trong những nguyên nhân khiến gia đình ngày càng kém bền vững.

Ly hôn, ngoài ý nghĩa tích cực của nó là cứu cánh, là lối thoát cho những cặp vợ chồng mà mâu thuẫn đã không thể giải quyết, cuộc sống chung bế tắc và không hề có hạnh phúc thì nó cũng đang chứng tỏ sự đề cao tự do cá nhân và bình đẳng giới một cách quá mức, dẫn đến coi nhẹ tầm quan trọng của các mối quan hệ gia đình. Nếu cứ đề cao tự do cá nhân một cách thái quá, xem nhẹ ý thức trách nhiệm, xem nhẹ những tình cảm yêu thương nhân ái vốn thuộc về bản chất tự nhiên của các mối quan hệ gia đình thì chỉ còn lại trong gia đình sự liên kết lạnh lùng và vô cảm của những công dân tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước pháp luật. Điều đó sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng, những sai lệch chuẩn mực nguy hiểm, đi ngược lại những giá trị truyền thống, đạo lý dân tộc, đưa gia đình vào cơn lốc khủng hoảng mà hậu quả là con người trở nên ích kỷ, lạnh lùng, vô cảm, sống thực dụng cực đoan.

Là một thiết chế xã hội đặc thù, gắn chặt với cơ cấu xã hội tổng thể, gia đình không thể không chịu những tác động của biến đổi xã

hội đồng thời gia đình cũng phát triển theo nhịp độ của xã hội. Quá trình phấn đấu thiết lập mối quan hệ bình đẳng giới có tác động không nhỏ đến những biến đổi về gia đình trên cả các mặt tích cực lẫn tiêu cực. Trước xu thế phát triển, tạo dựng bình đẳng giới đang diễn ra mạnh mẽ trong các chương trình và hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, lĩnh vực nghiên cứu gia đình cần kết hợp và lồng ghép với lĩnh vực nghiên cứu giới. Việt Nam cần tích cực hội nhập theo hướng tăng cường bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tuy nhiên, phấn đấu thực hiện bình đẳng giới không có nghĩa là đánh mất đi những giá trị của gia đình, của văn hoá gia đình truyền thống mà phải có sự kết hợp giữa cái cũ và cái mới, có sự kế thừa để gia đình Việt Nam ngày càng phát triển, bền vững và văn minh tiến bộ hơn. Ở đó gia đình, con người phải thực sự tìm thấy hạnh phúc và sự đầm ấm. Có như vậy gia đình mới thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc góp phần làm cho xã hội ngày càng công bằng và phát triển bền vững.

N.T.Đ

(NCV, Viện Văn hóa)

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Bình (2006), *Tài liệu giáo dục đời sống gia đình, Ủy ban dân số gia đình và trẻ em*, Hà Nội.
2. *Báo cáo Quốc gia lần thứ hai về tình hình thực hiện công ước Liên hiệp quốc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội 1999.
3. *Chính phủ Việt Nam, chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam đến 2010 và tầm nhìn đến 2020*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 2002.
4. Đinh Đoàn (2006), *Gia đình trẻ ngày càng kém bền vững*, Tạp chí Khoa học và Đời sống, Số 52.
5. Lê Thị (2003), *Hôn nhân, gia đình Việt Nam và xu hướng biến đổi ở Thế kỷ XXI*, Tạp chí Gia đình và trẻ em, Số 2.
6. Lê Thị (2006), *Cuộc sống và biến động của hôn nhân, gia đình Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 28 - 5 - 2013

Ngày phản biện, đánh giá: 31 - 8 - 2013

Ngày chấp nhận đăng: 10 - 11 - 2013

a. Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa đại chúng phong phú và môi trường văn hóa lành mạnh ở các cộng đồng dân cư cơ sở trên tất cả 25 tiểu vùng văn hóa địa phương. (Ý này đã được đặt ra từ Đại hội X, XI).

b. Bảo tồn, phát huy và phát triển vốn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc Việt Nam.

c. Phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam (sánh vai cùng khu vực Đông Nam Á và thế giới).

d. Xây dựng và phát triển “xã hội đọc”, góp phần thúc đẩy xã hội học tập và xã hội kinh tế trí thức.

e. củng cố, hình thành, phát triển và quản lý chặt chẽ hệ thống thị trường văn hóa.

g. Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, góp sức vào nhiệm vụ “Ngoại giao văn hóa”.

4. *Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giải pháp và chính sách cho sự phát triển văn hóa hiện nay:*

- Tái cấu trúc và chỉnh sửa hợp lý những giải pháp và chính sách văn hóa hiện có.

- Xây dựng bổ sung một số chính sách mới như: chính sách phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường; chính sách chuyển các tổ chức sự nghiệp văn hóa sang hoạt động theo phương thức dịch vụ sự nghiệp công; chính sách phát triển “sản nghiệp văn hóa” (Cultural Industries); chính sách phát triển các tổ chức hoạt động văn hóa dân lập và tư nhân; chính sách xây dựng văn hóa trong kinh doanh, doanh nghiệp.

Để kết thúc, chúng tôi xin nêu mấy ý kiến tâm đắc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay và khi nói đến các luận điểm về sáng tạo có liên quan đến chủ đề của bài viết này:

- Đối tượng trung tâm trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới là xây dựng con người mới, đồng thời phải coi trọng xây dựng đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh...

- Bất cứ lý thuyết, học thuyết nào cũng nằm

trong dòng chảy của tư duy nhân loại, đều kế thừa, phát triển trên tinh thần phủ định biện chứng những thành tựu trước đó và phải gắn với mảnh đất hiện thực, phản ánh sự vận động của hiện thực.

N.V.H

(Nguyên Phó trưởng khoa VHQC)

Tài liệu tham khảo

1. Báo Đại đoàn kết, ngày 7/8/2013 và ngày 16/8/2013.
2. Báo Tiền phong, ngày 21/3/2013 và ngày 9/8/2013.
3. Báo Tuổi trẻ, ngày 24/7/2013.
4. Báo Thanh niên, ngày 24/7/2013.
5. Kỷ yếu hội thảo khoa học về Xây dựng văn hóa nông thôn mới tổ chức 16/7/2013 tại Bắc Giang.
6. Kỷ yếu hội thảo khoa học về Chính sách kinh tế trong văn hóa và Chính sách văn hóa trong kinh tế tổ chức đầu 5/2013 tại ĐHVH Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nghị quyết 05/Bộ Chính trị ngày 28/11/1987.
8. Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII ngày 14/1/1993.
9. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII ngày 16/7/1998.
10. Nghị quyết Đại hội Đảng (khóa X).
11. Nghị quyết Trung ương 4 khóa X ngày 28/3/2007.
12. Nghị quyết Đại hội XI về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020.
13. Trần Ngọc Thêm (2013), Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam và hệ giá trị văn hóa truyền thống, tr.184-207. Trong tác phẩm “Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng”, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Lê Ngọc Trà (Chủ biên - 2002), Văn hóa Việt Nam - đặc trưng và cách tiếp cận, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Võ Nguyên Giáp (2001), Những bài viết và nói chọn lọc thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 6- 3- 2013

Ngày phản biện, đánh giá: 8- 10- 2013

Ngày chấp nhận đăng: 1 - 12- 2013

LỄ KHÁNH THÀNH VƯỜN TƯỢNG DANH NHÂN VĂN HÓA

Sáng ngày 19/11/2013, cùng với chuỗi các sự kiện chào mừng kỷ niệm 31 năm ngày Nhà giáo Việt Nam, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã long trọng tổ chức Lễ Khánh thành vườn tượng danh nhân văn hóa.

Tham dự buổi lễ, có Tiến sĩ Đặng Thị Bích Liên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, nhà điêu khắc Lương Khắc Việt, tác giả của 4 bức tượng danh nhân, Ban Giám hiệu và tập thể cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường.

Bốn bức tượng Danh nhân được đặt tại vườn hoa:

Chu Văn An (1292 - 1370), nhà giáo, danh nhân văn hóa Việt Nam;

Nguyễn Trãi (1380 - 1442), anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới;

Lê Quý Đôn (1726 - 1784), nhà bác học, danh nhân văn hóa Việt Nam;

Nguyễn Du (1766 - 1820), đại thi hào, danh nhân văn hóa thế giới.

Tượng các danh nhân văn hóa là nhằm bày tỏ lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ về cuộc đời, sự nghiệp, tấm gương đạo đức và công lao to lớn của các vị; đồng thời khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần hiếu học, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”.

Phát biểu tại buổi lễ, thay mặt Đảng ủy, BGH Nhà trường, ThS. Hoàng Trọng Nhất chia sẻ: “Nói đến văn hóa là nói đến những gì quý báu còn lại từ hàng ngàn năm, trong đó có những danh nhân là những trụ cột của cả nền văn hóa, của mỗi tầng văn hóa... Chúng ta tin tưởng rằng anh linh các danh nhân văn hóa: Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du cùng các vị tổ tiên, các thế hệ cha anh sẽ mãi mãi đồng hành cùng chúng ta trong sự nghiệp bảo tồn, phát huy, sáng tạo nền văn hóa Việt Nam, sự nghiệp đào tạo lớp lớp chủ nhân mới, góp phần cho nền văn hóa Việt Nam sánh vai với các nền văn hóa cường quốc khác”.

Nhân dịp lễ khánh thành vườn hoa tượng danh nhân, ThS. Hoàng Trọng Nhất cũng bày tỏ một nguyện vọng nữa mà thầy và trò Nhà trường muốn thực hiện trong thời gian tới, nhân sự kiện kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập Trường năm 2014, với sự góp sức của tập thể cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường, đặc biệt là sự giúp đỡ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đó là xây dựng biểu tượng văn hóa thời đại mới với hình tượng con người mở đầu: Người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới - Hồ Chí Minh với câu nói bất hủ: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”.

LỄ CÔNG BỐ BỘ CHƯƠNG TRÌNH TÍN CHỈ

Sáng ngày 19/11/2013, cùng với sự kiện Lễ khánh thành vườn tượng danh nhân văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã tổ chức Lễ công bố Bộ chương trình tín chỉ.

Tiến sĩ Đặng Thị Bích Liên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đến tham dự Lễ công bố. Hoàn thiện bộ chương trình đào tạo tín chỉ là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của Nhà trường trong thời gian qua, cùng với việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ theo xu hướng của giáo dục thời đại và yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện bậc Đại học.

Sau một thời gian triển khai nghiên cứu, thảo luận với các hội thảo lớn nhỏ các cấp từ tổ bộ môn, cấp khoa, đến cấp trường. Nhà trường đã có 23 chương trình được hoàn thiện và nghiệm thu, trong đó có 9 chương trình của bậc Đại học, 7 chương trình của bậc Cao đẳng và 7 chương trình của bậc Cao đẳng liên thông Đại học. Đây có thể nói là một trong những thành công lớn, là thành quả đáng ghi nhận của tập thể giảng viên Nhà trường trong suốt thời gian qua. Đây cũng là kết quả của quá chuyển đổi từ nhận thức, đến việc triển khai, thảo luận và sáng tạo không mệt mỏi của các giảng viên trong toàn trường, trong đó còn có sự góp sức của nhiều chuyên gia đầu ngành từng có thâm niên trong công tác giảng dạy và nghiên cứu cùng cộng tác triển khai.

TS. Đặng Thị Bích Liên - Thứ trưởng Bộ VHTTDL đã chúc mừng tập thể cán bộ giảng viên Nhà trường bằng những nỗ lực không ngừng đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Bộ VHTTDL, Bộ GD&ĐT giao phó. Thay mặt BGH, PGS. TS. NGUYỄN Văn Cương, Hiệu trưởng Nhà trường đã cảm ơn sự nỗ lực của các thầy cô giáo trong thời gian qua để có thể hoàn thành bộ chương trình tín chỉ đồ sộ này. 350 tập bài giảng được nghiệm thu trong thời gian tới sẽ là nguồn tài liệu nghiên cứu và giảng dạy quan trọng cho thầy và trò Nhà trường nói riêng và cho các trường thuộc khối ngành Văn hóa, nghệ thuật của Bộ nói chung trên tinh thần trao đổi, chia sẻ cùng phát triển.

LỄ KỶ NIỆM 20 NĂM ĐÀO TẠO VĂN HÓA DU LỊCH

Sáng ngày 10/12/2013, Khoa Văn hóa Du lịch, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm đào tạo Văn hóa du lịch (1993 - 2013).

Là sự kiện lớn của Khoa, ghi dấu ấn quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường, buổi lễ kỷ niệm được tổ chức long trọng với sự có mặt đông đủ của các vị khách mời nguyên là lãnh đạo, cán bộ giảng dạy của Khoa và của Nhà trường và đông đảo các cựu sinh viên của 17 khóa đã tốt nghiệp, đại diện các cơ quan báo chí.

Được thành lập từ năm 1993 trên cơ sở là chuyên ngành Văn hóa du lịch thuộc Khoa Bảo tàng (nay là Khoa Di sản văn hóa), Khoa Văn hóa Du lịch đã trải qua chặng đường 20 năm hình thành và phát triển. 20 năm, không phải thời gian dài nhưng cũng đủ để làm nên một thương hiệu: Thương hiệu mang tên Văn hóa Du lịch- Đại học Văn hóa Hà Nội. Khoa Văn hóa Du lịch được thành lập với tầm nhìn hàng trăm năm mà ngày hôm nay là một minh chứng với lễ Kỷ niệm 20 năm đào tạo. Sự lớn mạnh của Khoa và sự tể tựu đông đủ của thầy và trò từ những khóa đầu tiên trong buổi lễ kỷ niệm này đã khẳng định sự vươn mình phát triển và là niềm tự hào trong sự nghiệp GD&ĐT của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Những thành công ấy là nhờ có sự nỗ lực vươn mình không ngừng của cán bộ, giảng viên và các thế hệ sinh viên của Khoa trong suốt chặng đường qua.

Phát biểu tại buổi lễ, TS. Dương Văn Sáu – Trưởng khoa Văn hóa Du lịch đã ôn lại chặng đường phát triển: “20 năm, với 17 khóa tốt nghiệp ra trường, 3 chuyên ngành đào tạo: Lữ hành, Văn hóa Du lịch và Hướng dẫn viên du lịch, với các bậc Đại học, Cao đẳng và Cao đẳng liên thông Đại học, đã có 2016 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Nhiều sinh viên giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý văn hóa, các doanh nghiệp lớn, những hướng dẫn viên giỏi và là những đại sứ du lịch của đất nước... Đến nay, Văn hóa du lịch vẫn là một trong những khoa thu hút sinh viên đông nhất Trường. Có thể coi đây là bước đột phá quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường”.

TS. Dương Văn Sáu cũng chia sẻ những khó khăn trong quá trình đào tạo như trình độ ngoại ngữ của giảng viên và sinh viên còn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội; giáo trình và các điều kiện học tập còn nhiều thiếu thốn. Nhưng với sự quyết tâm và yêu nghề, cán bộ, giảng viên trong khoa sẽ không ngừng nỗ lực, nâng cao trình độ chuyên môn để tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp đào tạo các cử nhân văn hóa tương lai, đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

Mừng lễ kỷ niệm 20 năm đào tạo Văn hóa du lịch cũng là dịp để cán bộ giảng viên và sinh viên trong Khoa chia sẻ nhiều hơn những kinh nghiệm, những đề xuất, mong muốn và cảm xúc của mình. Trong niềm vui hướng tới đại lễ kỷ niệm 55 Ngày thành lập Trường, PGS. TS. Nguyễn Văn Cương đã bày tỏ mong muốn những thành quả mà Khoa đạt được sẽ tiếp tục được phát huy, và Nhà trường cũng sẽ tạo mọi điều kiện để Khoa Văn hóa du lịch ngày càng lớn mạnh, phát triển hơn nữa cả về số lượng và chất lượng đào tạo.

THẺ LỆ GỬI BÀI

1. **“Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa”** của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội công bố các công trình nghiên cứu về văn hóa, nghệ thuật (truyền thống và hiện đại, Việt Nam và quốc tế), về đào tạo – nghiệp vụ trên lĩnh vực quản lý văn hóa, thư viện, bảo tàng, xuất bản – phát hành, du lịch, văn hóa dân tộc thiểu số, viết văn, văn hóa học; các bài thông tin, giới thiệu sách, bình luận, trao đổi về các chủ đề nêu trên.

2. Bài gửi đăng có nội dung mới, chưa gửi đăng trên tạp chí khoa học khác. Các bài gửi sẽ được Hội đồng biên tập tổ chức biên tập. Tổng Biên tập quyết định bài đăng. Bài không đăng sẽ không trả lại.

3. Bài gửi cho **“Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa”** nêu được kết quả nghiên cứu và theo cấu trúc của một bài báo khoa học, với các phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Thứ tự bài được bố cục như sau:

- Tên bài viết (đặt tên ngắn gọn, súc tích).

- Tóm tắt nội dung tiếng Việt: nêu cô đọng, súc tích nội dung, kết quả nghiên cứu của bài viết (khoảng 5 - 10 dòng với 100 - 150 từ).

- Từ khóa: có từ 2-6 từ khóa, là ý chính của bài viết.

- Nội dung bài viết (từ 5 trang đến không quá 12 trang).

- Tóm tắt nội dung bài viết được dịch ra tiếng Anh (nếu có).

- Chú thích, tài liệu tham khảo.

Cuối bài là các dữ liệu của tác giả: Họ tên, chức danh khoa học, đơn vị, địa chỉ liên lạc, điện thoại, email. Bản in có chữ ký của tác giả; nếu có ảnh minh họa cho bài viết, tác giả gửi định dạng .jpg.

- **Định dạng:**

- Khổ giấy A4, cỡ chữ 13

- Font chữ: Times New Roman, bảng mã Unicode.

- **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

Đề ở cuối bài (chú thích để cuối bài và đặt thứ tự 1,2,3...) và được trình bày theo thứ tự như sau:

* Đối với tài liệu là sách: Tên tác giả, (năm xuất bản), tên sách, tập, nhà xuất bản, nơi xuất bản, trang trích dẫn.

* Đối với tài liệu là tạp chí: Tên tác giả, (năm xuất bản), tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, trang trích dẫn. (Nếu sách hoặc tạp chí của nước ngoài thì viết bằng tiếng của nước đã xuất bản ấn phẩm, không phiên âm, chuyển ngữ hoặc dịch).

Các tài liệu là sách, tạp chí được sắp xếp theo thứ tự A,B,C theo tên tác giả.

4. Tác giả bài viết phải chịu trách nhiệm về các thông tin mình cung cấp và chấp nhận quyền biên tập và đánh giá, phân loại của Ban biên tập. Bài viết được đăng, tác giả sẽ được tặng 01 cuốn **“Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa”**, được hưởng quyền lợi theo chế độ nhuận bút của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội và tính giờ nghiên cứu khoa học (nếu là giảng viên của Trường).

5. Bài viết gửi theo email và một bản in đến địa chỉ: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 418 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội. Cuối bài viết ghi rõ: Bài gửi đăng **“Tạp chí Nghiên cứu văn hoá”**

Email gửi bài: nghiencuuvanhoea@gmail.com, nghiencuuvanhoea@huc.edu.vn

Web: www.huc.edu.vn

Ban biên tập đã nhận được bài viết của các tác giả: Đàm Ngọc Thư, Đinh Thị Thanh Huyền, Đỗ Thị Thu Thủy, Đoàn Nhật Quang, Dương Đình Minh Sơn, Dương Văn Sáu, Hoàng Kim Ngọc, Lê Thị Cẩm Bình, Lê Thị Minh Trâm, Lê Thanh Bình, Lê Thu Hiền - Tăng Chánh Tín, Lương Thị Tiên, Lý Mỹ Dung, Nguyễn Huy Phòng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Nguyễn Mạnh Cường, Đỗ Thị Minh Thúy, Nguyễn Thị Quế Anh, Nguyễn Thúy Linh, Nguyễn Văn Tiến, Phạm Quỳnh Phương, Phạm Thị Huệ, Phạm Trọng Lê Nghĩa, Phan Thị Huệ, Quảng Văn Sơn, Nguyễn Thanh Thủy, Tôn Thanh Hải, Trần Mai Ước, Vũ Dương Thúy Ngà, Vũ Thị Uyên, Nguyễn Thị Đức...

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của Quý vị. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu và đăng vào các số sau nếu đáp ứng được các yêu cầu.